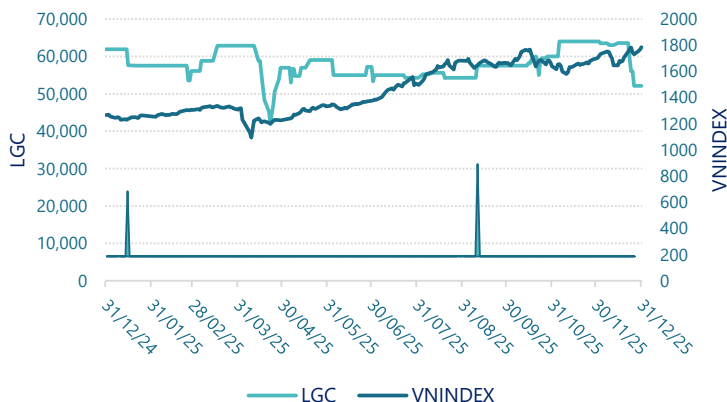




CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HSX: LGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	52,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	64,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,256
SL cổ phiếu LH	212,130,308
KLGD BQ 20 phiên (CP)	137,325
% sở hữu nước ngoài	45.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,052
P/E	21.6
EPS	2,407

DT thuần

Q4/25

655

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0| -2.5%

YoY: ▲40.0| 6.6%

LN sau thuế

Q4/25

147

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -6.3%

YoY: ▼5.00| -3.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

69.1%

+/- YoY: ▼4.1%

DT thuần

2025

2,604

tỷ VNĐ

YoY: ▲100| 4.0%

LN sau thuế

2025

719

tỷ VNĐ

YoY: ▼73.0| -9.2%

ROE

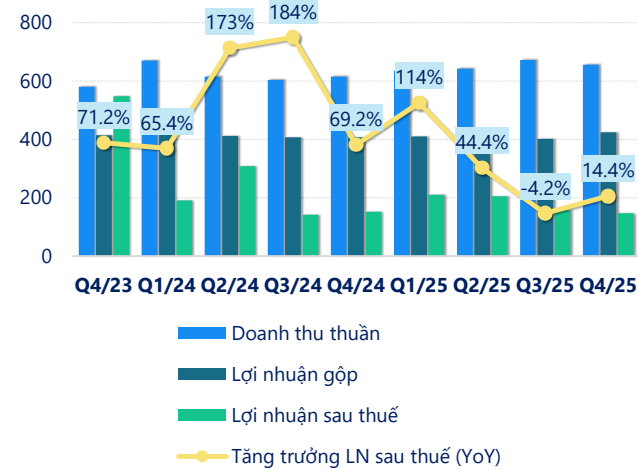
2025

8.6%

+/- YoY: ▼1.2%

tỷ VNĐ

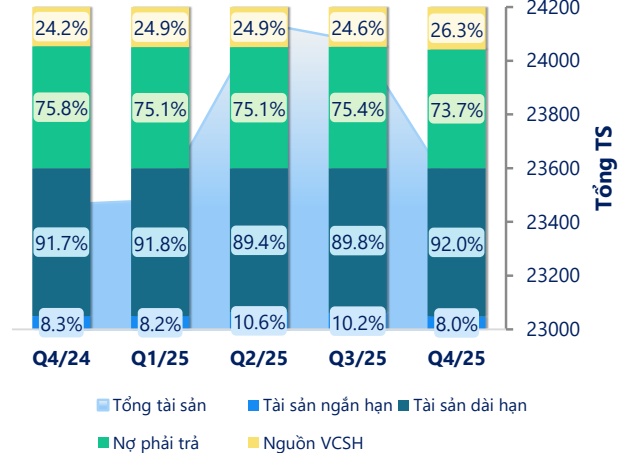
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

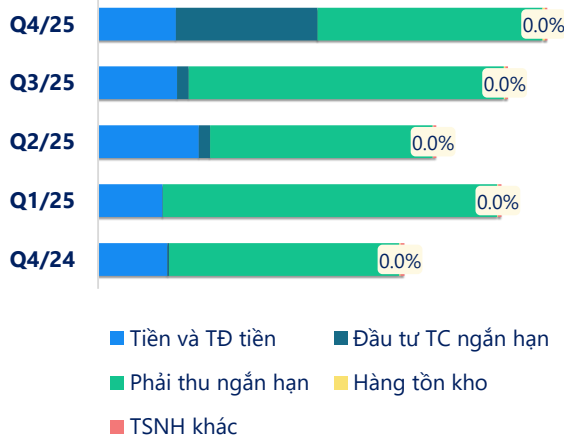
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



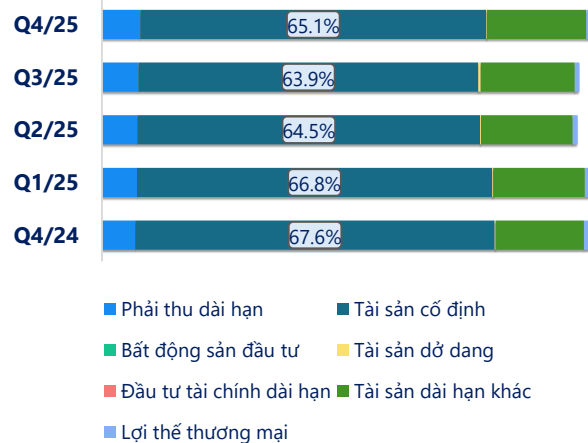
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

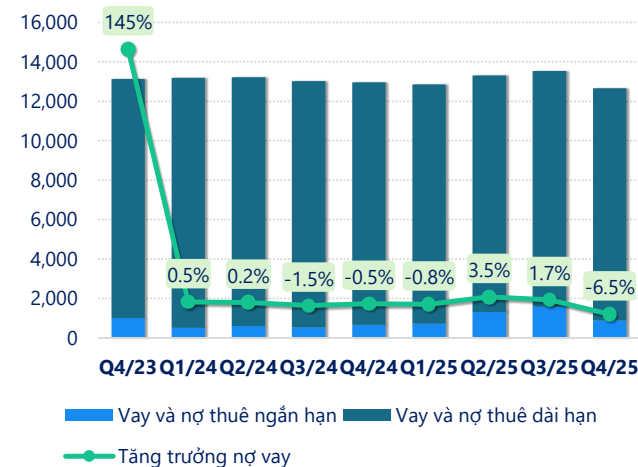
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

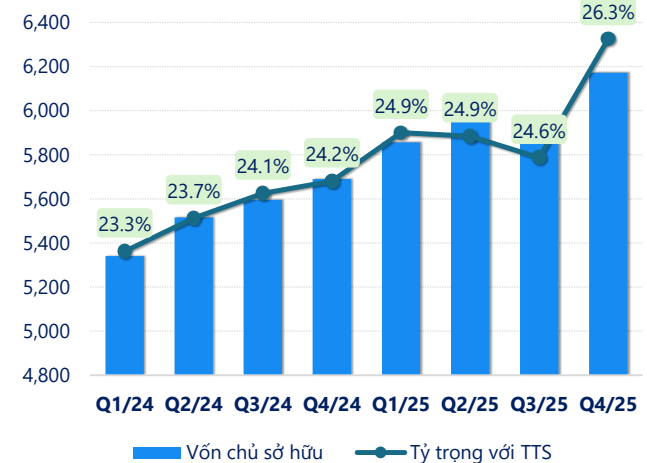
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

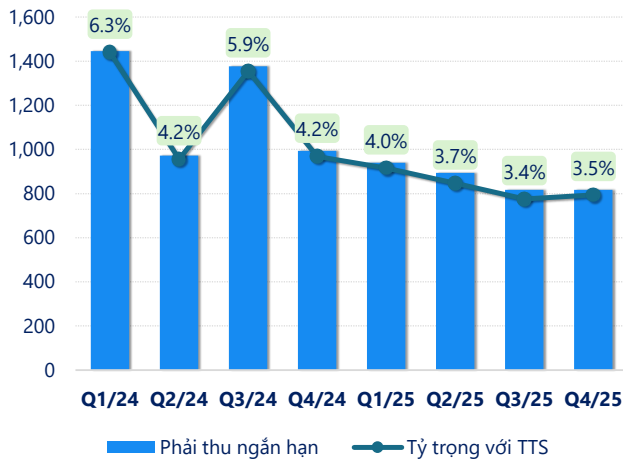
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



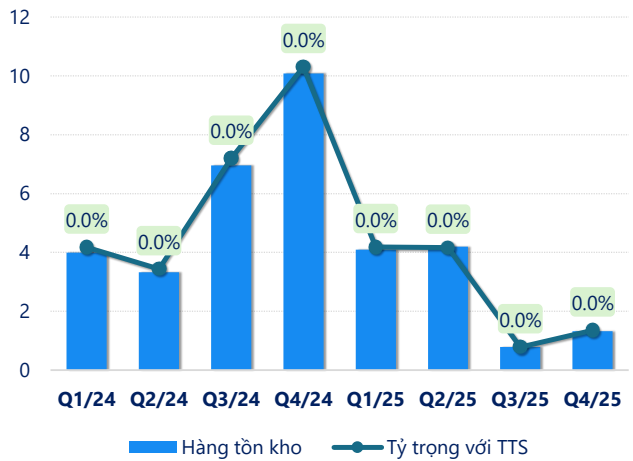
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


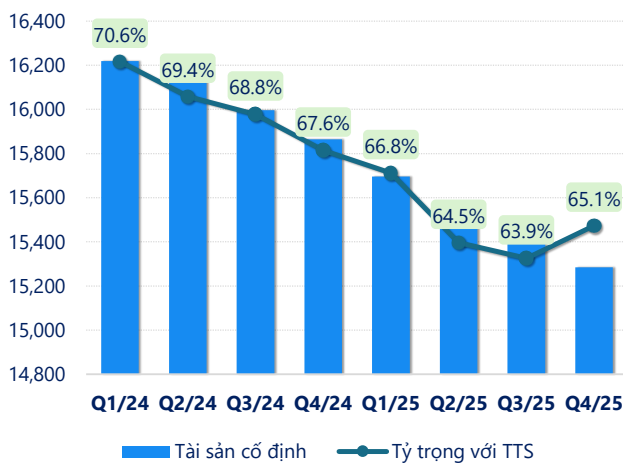
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


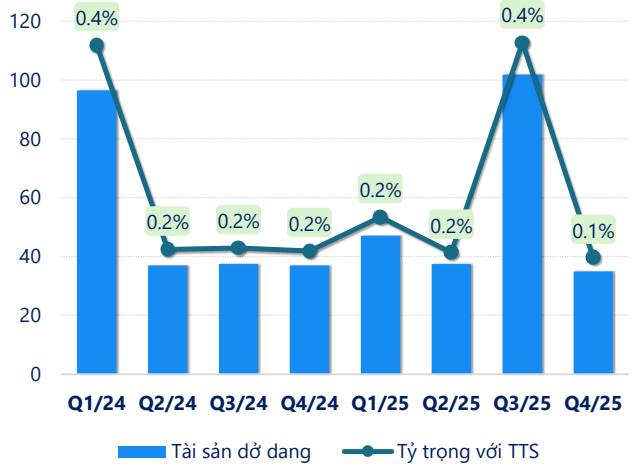
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

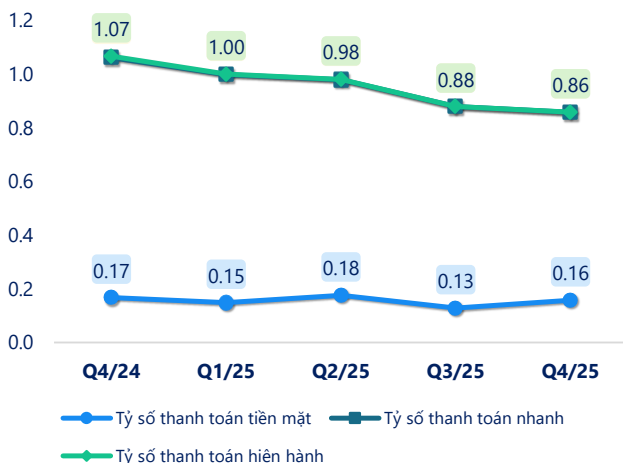
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

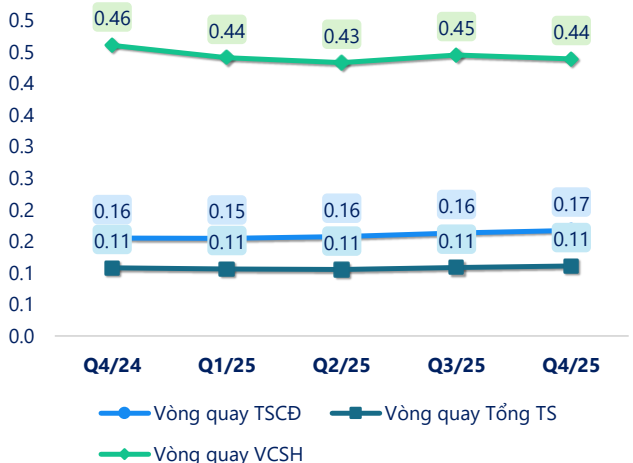
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	23,465	23,482	24,142	24,073	23,495
Tài sản ngắn hạn	1,944	1,916	2,548	2,454	1,875
Tiền và tương đương tiền	305	285	457	358	344
Đầu tư tài chính ngắn hạn	624	674	1,180	1,253	688
Phải thu ngắn hạn	993	940	894	817	817
Hàng tồn kho	10.1	4.10	4.19	0.78	1.33
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	13.0	13.5	25.2	25.0
Tài sản dài hạn	21,521	21,566	21,594	21,619	21,620
Phải thu dài hạn	1,470	1,539	1,609	1,647	1,695
Tài sản cố định	15,864	15,695	15,565	15,392	15,284
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	36.9	47.1	37.4	102	34.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3,904	4,047	4,154	4,258	4,393
Lợi thế thương mại	246	237	229	220	212
Nợ phải trả	17,775	17,626	18,133	18,155	17,324
Nợ ngắn hạn	1,823	1,916	2,599	2,790	2,185
Vay và nợ thuê ngắn hạn	666	721	1,317	1,579	894
Phải trả người bán ngắn hạn	391	371	385	362	343
Nợ dài hạn	15,952	15,710	15,534	15,365	15,139
Vay và nợ thuê dài hạn	12,302	12,141	11,993	11,958	11,766
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,690	5,856	6,009	5,918	6,171
Vốn chủ sở hữu	5,690	5,856	6,009	5,918	6,171
Vốn điều lệ	1,929	1,929	1,929	1,929	2,121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)